

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1918/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Lưu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Bùi Thị Phụng

2/ Bà Nguyễn Thị Lượng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Hoa, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 310/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/3/2021 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2657/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/5/2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Thạch Thị Thúy E, sinh năm 1988

Địa chỉ: 64 đường số x, khu phố y, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Chí C, sinh năm 1982

Địa chỉ: 64 đường số x, khu phố y, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thạch Thị Thúy E trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Thúy E và ông Nguyễn Chí C tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2008, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn ngày 13/8/2008 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông C bắt đầu nhậu nhẹt, cờ bạc, không

có trách nhiệm với gia đình, từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Mặc dù gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải, bà E đã cho ông C nhiều cơ hội sửa đổi tính tình để mong hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả. Hiện bà E và ông C đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2021 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà E yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Chí C.

- Về con chung: Bà E và ông C có 02 (hai) con chung tên Nguyễn Thị Thúy P, sinh ngày 12/02/2009 và Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 03/12/2012. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 24/3/2022, bà E yêu cầu được nuôi dưỡng hai con và yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi mỗi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tại buổi hòa giải ngày 29/4/2022 bà E thay đổi yêu cầu, bà yêu cầu được nuôi dưỡng con Nguyễn Thị Minh N, đồng ý giao con Nguyễn Thị Thúy P cho ông C nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà E và ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà E xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Nguyễn Chí C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn và quá trình sống chung đúng như lời bà E trình bày. Theo ông cuộc sống vợ chồng bình thường, vợ chồng có lúc hòa hợp và cũng có lúc bất hòa. Ông xác nhận hiện nay vợ chồng đã sống ly thân đúng như lời bà E trình bày. Ông C cũng thừa nhận thời gian qua do ông gặp khó khăn trong công việc làm ăn, nên nhậu nhẹt và có to tiếng với bà E, la các con nhưng ông cam kết sẽ sửa chữa và mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ gia đình. Ông không đồng ý ly hôn vì vẫn còn tình cảm với bà E.

- Về con chung: Ông C xác nhận vợ chồng ông có hai con chung đúng như lời bà E trình bày, nếu ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu bà E phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Thạch Thị Thúy E giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Chí C, yêu cầu được nuôi con Nguyễn Thị Minh N, đồng ý giao con Nguyễn Thị Thúy P cho ông C nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Ông C không đồng ý với yêu cầu của bà E.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và diễn biến tại phiên tòa đã được Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức và Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện đúng quy trình thủ tục theo quy định của pháp luật; tuy nhiên, vẫn còn vi phạm điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử; về thực

hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự, nguyên đơn, bị đơn chấp hành các quyền và nghĩa vụ của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Thạch Thị Thúy E được ly hôn ông Nguyễn Chí C; giao con Nguyễn Thị Thúy P, sinh ngày 12/02/2009 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 03/12/2012 cho bà E nuôi dưỡng; bà E, ông C không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Chí C cư trú tại số 64 đường số x, khu phố y, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, nên thẩm quyền giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình này theo trình tự sơ thẩm là Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức; được pháp luật quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp. Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thể hiện; bà Thạch Thị Thúy E yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Chí C, thì vụ án có quan hệ tranh chấp là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án và yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyển số I/2008 ngày 13/8/2008 của Ủy ban nhân dân phường T, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Thạch Thị Thúy E và ông Nguyễn Chí C là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà E xin được ly hôn là có căn cứ, bởi lẽ tình cảm của vợ chồng được xây dựng bởi tình yêu chân chính. Trong cuộc sống, vợ chồng phải chăm sóc và thương yêu lẫn nhau, nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu sống chung cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên đương sự. Bà E xác định giữa hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên bà E yêu cầu được ly hôn với ông C. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Ông C trình bày mong muốn đoàn tụ gia đình nhưng trong thời gian qua vẫn giữ thái độ xa

lánh với bà E. Ông C và bà E xác nhận hiện nay vợ chồng đã ly thân nhau. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Thúy E được ly hôn với ông Nguyễn Chí C theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Bà E và ông C có 02 con chung Nguyễn Thị Thúy P, sinh ngày 12/02/2009 và Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 03/12/2012. Khi ly hôn bà E có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Minh N, giao con chung Nguyễn Thị Thúy P cho ông C nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét yêu cầu của bà E là hợp tình, hợp lý phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cũng như phù hợp với nguyện vọng của con chung nên ghi nhận.

[2.3]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà E và ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.4]. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng bà E phải chịu.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 269, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị Thúy E:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Thúy E được ly hôn với ông Nguyễn Chí C.

(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 96, quyền I/2008 ngày 13/8/2008 của Ủy ban nhân dân phường T, quận T (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2 Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Minh N, sinh ngày 03/12/2012 cho bà Thạch Thị Thúy E trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Giao con chung Nguyễn Thị Thúy P, sinh ngày 12/02/2009 cho ông Nguyễn Chí C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Bà E, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

1.3. Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng bà E phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà E đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0058800 ngày 12/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- CC Thi hành án dân sự TP.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- UBND phường T, thành phố T,  
Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Trần Quốc Lưu**